

Trường Sơ Trung Brookhurst

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2024-2025 (Công bố trong năm học 2025-2026)

Thông tin chung về Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

Tổng quan về SARC



Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường học công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và quyền truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

DataQuest



DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lượng ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California



Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

Truy cập Internet	Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.
Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học California (UC)	Yêu cầu tuyển sinh vào UC tuân theo các hướng dẫn nêu trong Kế Hoạch Chung, trong đó yêu cầu một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tiểu bang, cũng như những học sinh chuyển trường đã hoàn thành các khóa học đại học cụ thể, đủ điều kiện được tuyển sinh vào UC. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm đảm bảo tất cả học sinh đủ điều kiện đều được chuẩn bị đầy đủ cho chương trình học ở bậc Đại học. Để biết các yêu cầu tuyển sinh chung, vui lòng truy cập trang web Thông Tin Tuyển Sinh của UC tại địa chỉ https://admission.universityofcalifornia.edu/ .
Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học Tiểu Bang California (CSU)	Điều kiện để được nhận vào CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các khóa học cụ thể ở trường trung học, (2) Điểm số ở các khóa học cụ thể và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho các chuyên ngành cụ thể hoặc học sinh cư trú bên ngoài khu vực trường. Do số lượng học sinh nộp đơn nhiều nên một số trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn tuyển sinh bổ sung) cho tất cả các ứng viên. Hầu hết các cơ sở CSU đều có chính sách đảm bảo tuyển sinh tại địa phương cho học sinh tốt nghiệp hoặc chuyển tiếp từ các trường trung học và cao đẳng có lịch sử liên kết với cơ sở CSU trong khu vực đó. Để biết thông tin về tuyển sinh, cách nộp đơn và lệ phí, vui lòng tham khảo trang web CSU tại địa chỉ https://www2.calstate.edu/ .

Thông tin liên lạc của Trường năm học 2025-26	
Tên Trường học	Trường Sơ Trung Brookhurst
Đường phố	601 North Brookhurst Street
Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu	Anaheim, CA 92801-3879
Số điện thoại	(714) 999-3613
Hiệu Trường	Gilbert Amancio
Địa chỉ email	amancio_g@auhsd.us
Trang web của Trường	https://brookhurst.org
Phạm vi cấp lớp	7-8
Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường	30664316058812

Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2025-26	
Tên Khu học chánh	Khu Học Chánh Trung Học Anaheim Union (AUHSD)
Số điện thoại	(714) 999-3511
Giám Đốc Khu Học Chánh	Jaron Fried, Ed.D.
Địa chỉ email	fried_ja@auhsd.us
Trang web của Khu học chánh	https://www.auhsd.us

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2025-26
Tuyên Bố Sứ Mệnh: Brookhurst sẽ hình dung nên một trải nghiệm giáo dục, trong đó học sinh cảm thấy được trân trọng, chấp nhận và tôn trọng, để

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2025-26

từ đó các em có thể đặt nền tảng cho việc học tập và phát triển cá nhân dựa trên lịch sử và thể mạnh của riêng mình, suy ngẫm về quá trình học tập (bao gồm cả những khó khăn), nhằm xây dựng năng lực, sự thành thạo và sự tự tin để mạnh dạn theo đuổi các mục tiêu của mình.

Tuyên Bố Tầm Nhìn:
Tại Brookhurst, chúng tôi sẽ xây dựng một cộng đồng tích cực, gắn kết gồm những học sinh biết quan tâm, chủ động tham gia vào quá trình học tập về bản thân, cộng đồng và thế giới. Chúng tôi nỗ lực chuẩn bị cho tất cả học sinh những kỹ năng cần thiết của Thế Kỷ 21 để kiên trì và thành công trong một thế giới không ngừng thay đổi.

Điểm Nổi Bật:

Bảy phần trăm số học sinh đang theo học chương trình Nâng Cao Nhờ Quyết Tâm Cá Nhân (Advancement Via Individual Determination, AVID). Học sinh AVID được khuyến khích theo học một chương trình các lớp Nâng Cao (Honors) có đòi hỏi cao. Các môn tự chọn khác bao gồm: Ban Nhạc, Kịch Nghệ, Kinh Tế Gia Đình, Nghệ Thuật Sân Khấu, Mỹ Thuật, ASB (Chương trình hoạt động Hội Học Sinh) và Ngoại Ngữ – Tiếng Tây Ban Nha.

Sáu phần trăm số học sinh của chúng tôi được ghi danh vào chương trình song ngữ. Ngoài ra, 56% có ít nhất một lớp Nâng Cao về Toán hoặc Tiếng Anh, đồng thời vẫn học Khoa Học và Lịch Sử bằng tiếng Tây Ban Nha.

Khoảng 25% số học sinh tham gia các chương trình thể thao ngoại khóa. Mỗi môn thể thao có một đội riêng biệt cho cả nam và nữ ở khối lớp 7 và lớp 8. Các môn thể thao được cung cấp bao gồm: bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, quần vợt, điền kinh, bóng bầu dục, bóng mềm và chạy việt dã.

Thông Tin Nhân Khẩu Học:
Trường Sơ Trung Brookhurst, tọa lạc tại Anaheim, California, phục vụ 675 học sinh, trong đó 89.2% tham gia chương trình bữa ăn miễn phí và giảm giá, 8.7% là vô gia cư và 19% là Người Học Tiếng Anh. Hồ sơ nhân khẩu học cũng chỉ ra những điều sau liên quan đến các nhóm học sinh: 85.9% Người Nói Tiếng Tây Ban Nha, 4.1% Người Da Trắng, 5.5% Người Châu Á, 1% Đa chủng Tộc, 0.1% Người Hawaii Bản Địa hoặc Người Dân Đảo Thái Bình Dương Khác, 2.0% Người Mỹ Gốc Phi, 0.1% Người Mỹ Da Đỏ/Người Alaska Bản Địa, và 1.4% dân tộc khác hoặc không xác định

Giới thiệu Trường

Tuyển sinh năm 2024-25 theo từng khối lớp

Khối lớp	Số lượng học sinh
----------	-------------------

Tuyển sinh năm 2024-25 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
---------------	---------------------------

A. Điều kiện học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Ủy quyền/Phân công	Số trường học	Phần trăm trường học	Số khu học chánh	Phần trăm khu học chánh	Số tiểu bang	Phần trăm tiểu bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	40.3	86.29	1094.6	83.18	234405.2	84
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.1	0.34	8.5	0.65	4853	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	2.3	4.92	73.2	5.56	12001.5	4.3
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0	0	32.8	2.5	11953.1	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	3.9	8.41	106.8	8.11	15831.9	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	46.7	100	1316.1	100	279044.8	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Ủy quyền/Phân công	Số trường học	Phần trăm trường học	Số khu học chánh	Phần trăm khu học chánh	Số tiểu bang	Phần trăm tiểu bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	36.6	85.24	1131.1	84.42	231142.4	83.24
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.8	1.93	12.1	0.9	5566.4	2
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0	0	55.4	4.14	14938.3	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0	0	41.3	3.09	11746.9	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	5.5	12.81	99.8	7.45	14303.8	5.15
Tổng số vị trí giảng dạy	42.9	100	1340	100	277698	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2023-24

Ủy quyền/Phân công	Số trường học	Phần trăm trường học	Số khu học chánh	Phần trăm khu học chánh	Số tiểu bang	Phần trăm tiểu bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	29.9	87.75	1010.1	82.4	230039.4	100

Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.6	1.93	6.6	0.54	6213.8	2.23
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.4	1.44	66.4	5.42	16855	6.04
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0	0	31.5	2.57	12112.8	4.34
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	3	8.79	111	9.06	13705.8	4.91
Tổng số vị trí giảng dạy	34.1	100	1225.9	100	278927.1	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)			
Ủy quyền/Phân công	2021-22	2022-23	2023-24
Giấy phép và Miễn trừ	0.80	0	0.3
Phân công sai	1.40	0	0.1
Vị trí trống	0.00	0	0
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai	2.30	0	0.4

Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)			
Chỉ số	2021-22	2022-23	2023-24
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	0.00	0	0
Các tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0	0
Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực	0.00	0	0

Phân công lớp học			
Chỉ số	2021-22	2022-23	2023-24
Phân công sai cho Người học tiếng Anh (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	1.6	0	0.5
Không có bằng cấp, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)	0	0	0

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.

Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2025-

Tất cả các môn học đều sử dụng sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn, được Tiểu Bang và Khu Học Chánh thông qua. Giáo viên có quyền tham gia vào quá trình lựa chọn sách giáo khoa ở cấp khu học chánh thông qua chu trình chương trình giảng dạy đã thiết lập. Giáo viên được đào tạo chuyên sâu về tài liệu giảng dạy và tài liệu bổ sung đi kèm với tài liệu sách giáo khoa cơ bản. Các tài liệu bổ sung hỗ trợ cả nhu cầu ngôn ngữ và nhu cầu học tập của học sinh.

Thông tin này được thu thập vào ngày 11 Tháng Chín, 2025.

Năm và tháng dữ liệu được thu thập	Ngày 11 Tháng Chín, 2025
------------------------------------	--------------------------

Môn học	Danh sách bộ sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/Nêu rõ từ lần thông qua gần đây nhất / Năm thông qua	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Độc/Ngữ văn	English language arts textbooks, Houghton Mifflin Harcourt-Collections, were adopted in 2014-15. There is one textbook available per student.	0
Toán	Mathematics textbooks, by Houghton Mifflin Harcourt for 7-8 grades and Mc Graw Hill for 9-12 grades were adopted in 2020-21. Course appropriate, standards-aligned instructional materials have been selected for each mathematics course. There is one textbook available per student. All were adopted during the 2020-2021 school year. Math 7/7H & Math 7: Houghton Mifflin Harcourt - Into Math Grade 7 Math 8/8H & Math 8: Houghton Mifflin Harcourt - Into Math Grade 8 Integrated Math I: McGraw Hill - Reveal Math Integrated I Integrated Math II: McGraw Hill - Reveal Math Integrated Math II Integrated Math III: McGraw Hill - Reveal Math Integrated Math III Integrated Math 1-2 HP: McGraw Hill - Reveal Math Integrated I & McGraw Hill - Reveal Math Integrated II Integrated Math 2-3 HP: McGraw Hill - Reveal Math Integrated II & McGraw Hill - Reveal Math Integrated III	0
Khoa Học	Science textbooks, California HMH Science Dimensions was adopted in 2018-19 for 7 & 8 grades. Science textbooks for grades 7 and 8 Integrated Science were adopted in 2018-19: HMH CA Science Dimensions. The e-text and one consumable textbook is available per student.	0
Lịch sử-Khoa học xã hội	History/Social science textbooks were adopted in 2018-19 and 2019-20. 7th grade-Cengage Learning-World History: Medieval and Early Modern Times, CA Student Edition 8th grade- McGraw-Hill-United States History and Geography- Growth and Conflict. There is one textbook available per student.	0
Ngoại ngữ	Foreign language textbooks are adopted as needed by course. Several courses adopted new textbooks, Houghton Mifflin Harcourt-Avancemos. Additionally, supplemental books continue to be adopted each year. There is one textbook available per student. Below is the list of districtwide World Language adopted instructional materials: American Sign Language 1: Master ASL! 1, ISBN: 9781881133209, Adopted: 2017/2018	0

American Sign Language 2 and American Sign Language 3: Signing Naturally 3, ISBN: 9781581211351, Adopted: 2017/2018
 American Sign Language 4: Translating from English, ISBN: 9781581211009, Adopted 2017/2018
 Arabic 1: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 1, ISBN: 9781933269092, Adopted 2019/2020
 Arabic 2: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 2, ISBN: 9781933269108, Adopted 2019/2020
 Arabic 3 and Arabic 4: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 3, ISBN: 9781933269115, Adopted 2019/2020
 French 1: Chemins 1, ISBN: 9781543362237, Adopted: 2023/2024
 French 2: Chemins 2, ISBN: 9781543362299, Adopted 2023/2024
 French 3: Chemins 3, ISBN: 9781543362312, Adopted: 2023/2024
 French 4: Chemins 4, ISBN: 9781543362336, Adopted: 2023/2024
 AP French Language and Culture: Themes, ISBN: 9781680040272, Adopted: 2015/2016
 Japanese 1: Adventures In Japanese 1, ISBN: 781622910564, Adopted: 2015/2016
 Japanese 2: Adventures in Japanese 2, ISBN: 9781622910663, Adopted: 2015/2016
 Japanese 3: Adventures in Japanese 3, ISBN: 9780887173995, Adopted: 2003/2004
 Japanese 4: Adventures in Japanese 4, ISBN: 9780887274428, Adopted: 2003/2004
 Korean 1: EPIC Korean 1, ISBN: 9781636849409, Adopted: 2022/2023
 Korean 2: EPIC Korean 2, ISBN: 9781636849423, Adopted: 2022/2023
 Korean 3: EPIC Korean 3, ISBN: 9781636849447, Adopted: 2023/2024
 Korean 4: EPIC Korean 4, ISBN: 9781636849461, Adopted: 2022-2023
 Mandarin 1 and Mandarin 2: Zhen Bang! 1, ISBN: 9780821981368, Adopted: 2015/2016
 Mandarin 3 and Mandarin 4: Zhen Bang! 2, ISBN: 9780821988237, Adopted: 2015/2016
 Spanish 1: Senderos 1, ISBN: 9781543357936, Adopted: 2023/2024
 Spanish 2: Senderos 2, ISBN: 9781543358070, Adopted: 2023/2024
 Spanish 3: Senderos 3, ISBN: 9781543358131, Adopted: 2023/2024
 Spanish 4: Senderos 4, ISBN: 9781543358193, Adopted: 2023/2024
 Spanish for Spanish Speakers 1: Cajas de Cartón (The Circuit), ISBN: 9780618226160 (Novel), La Casa De Mango Street (The House on Mango Street), ISBN: 9780679755265 (Novel), El Color de Mis Palabras, ISBN: 9781930332751 (Novel), Esperanza Renace (Esperanza Rising), ISBN: 9780439398855 (Novel), Adopted: 2017
 Spanish for Spanish Speakers 2: Antes de Ser Libres, ISBN: 9780375815454 (Novel), Caramelo, ISBN: 9781400030996 (Novel), Senderos Fronterizos (Breaking Through), ISBN: 9780618226184 (Novel), La Travesia de Enrique (Enrique's Journey), ISBN: 9780553535549 (Novel), Voces Sin Fronteras (Voices without Frontiers), ISBN: 9781400077199 (Novel), Adopted: 2017

	Spanish for Spanish Speakers 3: Más Allá de Mí, ISBN: 9780547250311 (Novel), El Alquimista (The Alchemist), ISBN: 9780062511409 (Novel), Cuando Era Puertorriqueña (When I was Puerto Rican), ISBN: 9780679756774 (Novel), Los de Abajo, ISBN: 9780140266214(Novel), Me Llamo Rigoberta Menchu, ISBN: 9789682313158 (Novel), Adopted: 2017 AP Spanish Literature & Culture: Azulejo, ISBN: 9781938026225, Adopted: 2022/2023 AP Spanish Language & Culture: Temas, ISBN: 9781543301380, Adopted: 2022/2023 and Abriendo Puertas, ISBN: 9780618222070, Adopted: 2012/2013 IB Spanish: Temas Para Español B, ISBN: 9781543310658, Adopted: 2019/2020 Vietnamese 1 and Vietnamese 2: Tiếng Việt M?n Yêu A, ISBN: 9780997751208, Adopted 2018/2019 Vietnamese 3: Tiếng Việt M?n Yêu B, ISBN: 9780997751215, Adopted 2019/2020 Vietnamese 4H and Vietnamese 5H: Tiếng Việt M?n Yêu C, ISBN: 9780997751222, Adopted 2019/2020 Vietnamese 6H: Tiếng Việt M?n Yêu D, ISBN: 9780997751231, Adopted 2019/2020	
Sức khỏe	Health textbooks, Glencoe Teen Health for 7-8 grades was adopted in 2016-2017. There is one textbook available per student.	0
Nghệ thuật thị giác và biểu diễn	Visual and performing arts students have access to course appropriate textbooks and instructional materials.	0
Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)	KHÔNG ÁP DỤNG	NA

Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Trường Sơ Trung Brookhurst được thành lập vào năm 1956. Các tòa nhà được hiện đại hóa gần đây nhất vào năm 2003. Khuôn viên rộng 20 mẫu Anh này bao gồm 41 phòng học tiêu chuẩn và ba phòng học di động. Có 9 phòng thí nghiệm, được thiết kế cho các chương trình chuyên biệt (ví dụ: phòng thí nghiệm máy tính, phòng thí nghiệm khoa học, phòng âm nhạc, v.v.). Cơ sở này còn có một nhà ăn tự phục vụ, một trung tâm truyền thông, một phòng tập thể dục và nhiều sân chơi thể thao đa dạng.

Bảo Trì và Sửa Chữa: Đội ngũ bảo trì của Trường và Khu Học Chánh đảm bảo các sửa chữa cần thiết nhằm bảo đảm trường học luôn trong tình trạng tốt và hoạt động bình thường sẽ được hoàn thành kịp thời. Quy trình lệnh làm việc được áp dụng để đảm bảo dịch vụ hiệu quả. Việc sửa chữa khẩn cấp được ưu tiên hàng đầu.

Quy Trình và Lịch Biểu Vệ Sinh: Hội Đồng Chương Quản của Khu Học Chánh đã phê chuẩn các tiêu chuẩn vệ sinh cho tất cả các trường học trong khu học chánh. Ban giám hiệu sẽ làm việc hằng ngày với nhân viên tạp vụ để xây dựng lịch biểu vệ sinh nhằm bảo đảm trường học luôn sạch sẽ và an toàn. Tất cả các lớp học và nhà vệ sinh đều được dọn dẹp hằng ngày. Hoạt động tổng vệ sinh, bao gồm đánh bóng sàn và sơn, được thực hiện vào thời gian học sinh không đến lớp. Học sinh, phụ huynh và nhân viên được khuyến khích báo cáo bất kỳ điều kiện không phù hợp nào thông qua quy trình khiếu nại thống nhất.

Lần đánh giá thực địa gần đây nhất đã hoàn thành vào ngày 1 Tháng Mười, 2025.

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất				Tháng Mười, 2025	
Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá	Đánh giá	Đánh giá	Cần sửa chữa và hành động đã thực hiện hoặc đã lên kế hoạch	

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

	Tốt	Trung bình	Kém	
Hệ thống: Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cổng rãnh	X			
Nội thất: Bề mặt nội thất	X			
Độ sạch sẽ: Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			
Điện	X			
Nhà vệ sinh/Bồn rửa: Nhà vệ sinh, bồn rửa	X			
An toàn: An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			
Kết cấu: Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà	X			
Ngoại thất: Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cổng/Hàng rào	X			

Đánh giá chung về cơ sở vật chất

Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
---------	-----	------------	-----

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang
(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

- Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:
- 1. **Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
 - 2. **Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
 - 3. **Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm
Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Môn học	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
Ngữ văn Anh/Đọc viết (lớp 3-8 và 11)	24	19	42	43	47	48
Toán (lớp 3-8 và 11)	13	12	24	25	35	37

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Nhóm học sinh CAASPP	Tổng ghi danh CAASPP	Số tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm không tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn CAASPP
Tất cả học sinh	706	690	97.73	2.27	19.16
Nữ	319	315	98.75	1.25	24.52
Nam	387	375	96.90	3.10	14.67
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	26	24	92.31	7.69	37.50
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	15	15	100.00	0.00	13.33
Người gốc Philippines	14	14	100.00	0.00	57.14
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	605	593	98.02	1.98	17.40
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	29	28	96.55	3.45	28.57
Học Viên Tiếng Anh	141	138	97.87	2.13	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	63	60	95.24	4.76	15.00
Quân đội	41	39	95.12	4.88	12.82
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	640	626	97.81	2.19	17.44
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	111	108	97.30	2.70	1.85

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Nhóm học sinh CAASPP	Tổng ghi danh CAASPP	Số tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm không tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn CAASPP
Tất cả học sinh	706	685	97.03	2.97	12.45
Nữ	320	311	97.19	2.81	11.33
Nam	386	374	96.89	3.11	13.37
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	26	25	96.15	3.85	32.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	15	14	93.33	6.67	7.14
Người gốc Philippines	14	14	100.00	0.00	50.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	605	588	97.19	2.81	9.90
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	29	29	100.00	0.00	34.48
Học Viên Tiếng Anh	141	139	98.58	1.42	2.88
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	63	62	98.41	1.59	8.06
Quân đội	41	39	95.12	4.88	12.82
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	640	622	97.19	2.81	10.81
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	110	103	93.64	6.36	3.88

Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
Khoa Học (lớp 5, 8 và trung học)	16.28	8.07	28.3	26.77	30.73	32.52

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn Khoa học theo nhóm học sinh

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Nhóm học sinh	Tổng tuyển sinh	Số tham gia khảo thí	Phần trăm tham gia khảo thí	Phần trăm không tham gia khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	357	348	97.48	2.52	8.07
Nữ	150	146	97.33	2.67	4.83
Nam	207	202	97.58	2.42	10.40
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	13	13	100.00	0.00	15.38
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	311	302	97.11	2.89	6.31
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	12	12	100.00	0.00	25.00
Học Viên Tiếng Anh	75	74	98.67	1.33	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	34	33	97.06	2.94	12.12
Quân đội	22	18	81.82	18.18	11.11
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	324	315	97.22	2.78	7.32
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	52	49	94.23	5.77	0.00

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

Tỷ lệ tham gia Bài Kiểm Tra Thể Lực California 2024-25

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia từng thành phần trong số năm thành phần kiểm tra thể lực của Bài Kiểm Tra Thể Lực California. Bài thi PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia cho năm thành phần kiểm tra thể lực này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được kiểm tra từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Bài tập hiếu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Duỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 7	100	100	100	100	100

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu tiên 3): Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2025-26

Trường Sơ Trung Brookhurst tin rằng giáo dục chính là trách nhiệm chung, nơi học sinh, nhà trường, gia đình và cộng đồng cùng nhau hướng tới những mục tiêu chung. Mục tiêu của chúng tôi là mang đến những cơ hội tham gia giáo dục ý nghĩa cho tất cả phụ huynh bằng cách trao quyền cho quý vị để vận động cho con em mình. Tại Brookhurst, mỗi phụ huynh đều được mời tham gia hợp tác với nhà trường thông qua Hội Đồng Trường Học, Hội Phụ Huynh Giáo Viên Học Sinh (PTSA), Ủy Ban Cố Vấn Người Học Tiếng Anh (ELAC), Ủy Ban Cố Vấn Người Học Tiếng Anh Cấp Học Khu (DELAC), Ủy Ban Trường Học Cộng Đồng và Hội Đồng Cố Vấn của Giám Đốc Khu Học Chánh. Phụ huynh có cơ hội tham gia tích cực vào quá trình phát triển học thuật của con em mình bằng cách xem và thảo luận về sổ kế hoạch học tập, công cụ mỗi học sinh được yêu cầu sử dụng hằng ngày để ghi lại bài tập trên lớp.

Ngoài ra, Trường Sơ Trung Brookhurst trân trọng kính mời và tạo cơ hội cho tất cả các bậc phụ huynh tham gia các buổi tối dành cho phụ huynh hằng tháng. Thông qua các buổi thuyết trình tư vấn cho phụ huynh (Dùng Cookie với Cố Vấn), Học Viện Lãnh Đạo Phụ Huynh, Các Buổi Gia Đình Nami và Chuyên Gia Về Gắn Kết Gia Đình, chúng tôi sẽ tổ chức các hội thảo mà phụ huynh quan tâm, chẳng hạn như các yêu cầu về môn học A-G, cách định hướng trong hệ thống giáo dục, chống bắt nạt và các chủ đề quan trọng khác dựa trên phản hồi của phụ huynh từ khảo sát đánh giá nhu cầu thường niên. Chúng tôi cũng có buổi “Cà Phê với Hiệu Trưởng” hằng tháng (hợp tác với Trường Trung Học Savannah). Bên cạnh đó là các chuyến tham quan khuôn viên/dự giờ học tập dành cho phụ huynh, tập trung vào các vấn đề hiện tại liên quan đến giáo dục và hoạt động thăm lớp. Phụ huynh cũng được khuyến khích đến trường cùng học sinh bất cứ lúc nào. Phụ huynh là những thành viên không thể thiếu của cộng đồng trường học, và chúng tôi nỗ lực để giao tiếp và hợp tác nhằm xây dựng và duy trì các mối quan hệ bền chặt. Chúng tôi cũng có các hoạt động gắn kết cộng đồng như ăn trưa cùng người thân và Đêm Chiếu Phim Gia Đình.

Vắng mặt thường xuyên năm 2024-25 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Ghi danh tích lũy	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	775	753	231	30.7
Nữ	356	342	100	29.2
Nam	419	411	131	31.9
Phi nhị giới	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--
Người gốc Á	27	27	2	7.4
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	17	17	6	35.3
Người gốc Philippines	16	14	2	14.3
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	663	645	203	31.5
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--
Người Da Trắng	32	30	10	33.3
Học Viên Tiếng Anh	196	191	65	34.0
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	67	65	23	35.4
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	704	686	222	32.4
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	130	124	47	37.9

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các biện pháp nội bộ khác về cảm giác an toàn

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học

Bảng này hiển thị dữ liệu về tỷ lệ đình chỉ.

Đình chỉ								
Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
5.96	7.04	6.06	3.78	4.06	3.03	3.6	3.28	2.94

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Bảng này hiển thị dữ liệu về tỷ lệ đuổi học.

Đuổi học								
Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
0	0	0	0	0	0	0.08	0.07	0.06

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2024-25

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
Tất cả học sinh	6.06	0.00
Nữ	6.18	0.00
Nam	5.97	0.00
Phi nhị giới	0.00	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Á	0.00	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	17.65	0.00
Người gốc Philippines	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	5.73	0.00
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.00	0.00
Người Da Trắng	3.13	0.00
Học Viên Tiếng Anh	6.12	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.00	0.00
Học sinh vô gia cư	7.46	0.00
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	6.39	0.00
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	9.23	0.00

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2025-26

Kế Hoạch An Toàn Trường Học được xem xét, thảo luận và cập nhật thường niên (được phê duyệt lần cuối vào ngày 20 Tháng Mười Một, 2024). Ý kiến đóng góp được thu thập từ đội ngũ nhân viên, học sinh và các nhóm nguồn lực cộng đồng cùng với Hội Đồng Trường Học để xác định bất kỳ thay đổi cần thiết nào. Kế Hoạch An Toàn của Trường Trung Học Brookhurst được thực thi bởi các thành viên đội ngũ thuộc các ủy ban kỷ luật và an toàn. Trong suốt năm học, nhà trường sẽ tiến hành không dưới bốn buổi diễn tập an toàn/sơ tán. Học sinh, giáo viên và các thành viên trường học khác được yêu cầu tham gia các cuộc diễn tập này.

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2022-23. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Ngữ Văn Anh	23	11	20	4
Toán	25	6	24	1
Khoa Học	25	9	22	1
Khoa Học Xã Hội	26	4	24	2

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2023-24. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Ngữ Văn Anh	28	9	2	18
Toán	28	5	13	10
Khoa Học	31	5	2	18
Khoa Học Xã Hội	32	4	1	19

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bổ quy mô lớp học năm 2024-25

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2024-25. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Ngữ Văn Anh	25	10	9	11
Toán	32	3	3	16
Khoa Học	34	2	4	15
Khoa Học Xã Hội	32	2	10	10

Tỷ lệ học sinh so với cố vấn học tập năm 2024-25

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học tập. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	258

Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2024-25

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục “Khác” dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	3
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	0
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	1
Chuyên gia tâm lý	1
Nhân viên xã hội	
Chuyên gia về phát âm/ngôn ngữ/thính giác	1
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2023-24

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2023-24. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng chi tiêu cho mỗi học sinh	Chi tiêu cho mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu cho mỗi học sinh (Không hạn chế)	Lương trung bình của giáo viên
Trường	\$14,072	\$3,524	\$10,548	\$102,607
Khu học chánh	Không áp dụng	KHÔNG ÁP DỤNG	10,142	\$118,909
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Khu học chánh	KHÔNG ÁP DỤNG	KHÔNG ÁP DỤNG	3.9	-7.7
Các Bài Đánh Giá	KHÔNG ÁP DỤNG	Không áp dụng	\$11,146	\$113,595
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Tiểu bang	Không áp dụng	KHÔNG ÁP DỤNG	-2.1	-2.6

Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2024-25

Chương trình theo Đề Mục I tài trợ một số cơ hội phát triển nghề nghiệp cho các nhân viên của Trường Sơ Trung Brookhurst và cũng tài trợ cho các hoạt động tham gia của phụ huynh, như hội chợ nguồn lực dành cho phụ huynh. Thông qua Đề Mục I và Danh Mục Kinh Phí Tự Chủ của Địa Phương (LCFF), học sinh Trường Sơ Trung Brookhurst nhận được nhiều can thiệp chiến lược về môn đọc và toán học, được cung cấp cho học sinh được xác định thông qua nhiều biện pháp, bao gồm khảo thí SBAC và ELPAC. Hỗ trợ giảng dạy và giáo viên bổ sung được cung cấp trong các lĩnh vực Môn Đọc, Toán và Phát Triển Tiếng Anh (ELD), được tài trợ thông qua Đề Mục I và LCFF. Ngoài ra, Trường Sơ Trung Brookhurst còn hợp tác với Tổ Chức Quan Hệ Nhân Văn Quận Orange trong một chương trình công lý phục hồi đồng thời chúng tôi đã hợp tác và nhận được một khoản tài trợ để làm việc với CaliReads.

Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2023-24

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2023-24. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Danh mục	Số tiền cho Khu học chánh	Trung bình của tiểu bang cho Khu học chánh trong cùng một Danh mục
Lương giáo viên mới	\$63,781	\$67,238
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	\$109,375	\$106,841
Mức lương cao nhất của Giáo viên	\$139,964	\$136,881
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Tiểu học)		
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Sơ trung)	\$149,574	\$167,233
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Trung học)	\$163,653	\$193,950
Mức lương của Giám Đốc Khu Học Chánh	\$328,935	\$314,304
Phần trăm ngân sách cho Lương giáo viên	26.83%	29.51%
Phần trăm ngân sách dành cho Lương của Ban giám hiệu	3.71%	4.87%

Phát triển Chuyên môn

Phát triển Chuyên môn

Giáo viên và nhân viên tham gia nhiều dịch vụ nội bộ của Khu Học Chánh cũng như các hội thảo và hội nghị phát triển chuyên môn để nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng giảng dạy. Ngoài ra còn có bốn ngày phát triển chuyên môn và các cuộc họp bắt đầu muộn hằng tuần được lên lịch hằng năm cho các hoạt động học tập chuyên môn. Giáo viên mới cũng được yêu cầu tham gia chương trình hướng dẫn cho giáo viên. Khu Học Chánh và trường tiếp tục đào tạo giáo viên về các chiến lược cung cấp chương trình giảng dạy khác biệt có chiều sâu và độ phức tạp. Giáo viên học cách sử dụng kết quả đánh giá của học sinh để hướng dẫn học sinh một cách phù hợp hơn nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu cá nhân của từng học sinh. Các nhân viên hành chính có nhiều cơ hội tham gia hoạt động đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy với học sinh. Tất cả nhân viên của Khu Học Chánh đều được hỗ trợ trong nỗ lực cung cấp các bài học có hiệu quả cao. Giáo viên và thành viên ban giám hiệu được tạo điều kiện xem xét các chương trình và chiến lược giảng dạy hiện tại và điều chỉnh cho phù hợp với hiệu suất chương trình giảng dạy và tiêu chuẩn nội dung của tiểu bang. Các chiến lược giảng dạy dựa trên nghiên cứu được xem xét và triển khai.

Ngoài nội dung học khu cung cấp, Trường Sơ Trung Brookhurst còn có các cơ hội phát triển chuyên môn hằng tuần vào các ngày Thứ Năm làm việc muộn. Thời gian này sẽ được các khoa, các chương trình chuyên ngành, nhóm tập trung và bộ môn liên kết tự phân bổ sử dụng. Tất cả nhân viên giáo dục đều tham gia nhiều hội thảo và hội nghị đa dạng.

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2023-24	2024-25	2025-26
Số ngày học dành cho Phát triển nhân viên và Cải tiến liên tục	4	4	4